

Nghiên cứu triết học - xã hội về môi trường sinh thái ở Việt Nam

Phạm Thị Ngọc Trâm *

Tóm tắt: Bài viết tổng hợp những kết quả nghiên cứu chủ yếu về môi trường sinh thái ở Việt Nam dưới góc độ triết học - xã hội trong 45 năm qua. Những kết quả nghiên cứu đó xác định: các nguyên lý cơ bản của mối quan hệ giữa con người và xã hội với tự nhiên; các triết lý tổng quát về mối quan hệ con người - xã hội - tự nhiên; các khái niệm cơ bản liên quan đến môi trường sinh thái ở Việt Nam; một số quan điểm về sinh thái học nhân văn (STHNV), sinh thái nhân văn (STNV) và môi trường sinh thái nhân văn (MTSTNV); một số vấn đề cơ bản của MTSTNV ở Việt Nam.

Từ khóa: Môi trường sinh thái; triết học - xã hội; Việt Nam.

1. Mở đầu

Thế giới ngày nay đã và đang có những thành tựu vĩ đại về khoa học và công nghệ, nhờ đó loài người đã đạt được những biến đổi to lớn về mặt kinh tế nói riêng, xã hội nói chung. Song, cùng với những biến đổi to lớn đó, loài người lại đang phải đối mặt với nhiều vấn đề nan giải mang tính toàn cầu, trong đó có vấn đề môi trường sinh thái (MTST). MTST ngày càng được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, từ các nhà khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đến các nhà khoa học xã hội nhân văn. Những khía cạnh khác nhau của vấn đề MTST đã được đề cập từ các khía cạnh triết học, kinh tế học, sinh học, y học... Nghiên cứu triết học - xã hội vấn đề MTST ở Việt Nam bắt đầu từ trước những năm 70 của thế kỷ XX. Bài viết này trình bày những nội dung và kết quả nghiên cứu chính trong hơn 45 năm qua về vấn đề MTST ở Việt Nam.

2. Những nguyên lý cơ bản của mối quan hệ giữa con người và xã hội với tự nhiên

Thực chất của MTST là mối quan hệ giữa con người, xã hội với tự nhiên. Mối quan hệ này đã từng được nhiều nhà khoa học ở những giai đoạn lịch sử khác nhau nghiên cứu. Cách tiếp cận triết học - xã hội nghiên cứu mặt cấu trúc, chức năng, cơ chế vận hành và diễn biến của mối quan hệ giữa con người và xã hội với tự nhiên, nghĩa là nghiên cứu nguồn gốc, bản chất và nội dung của mối quan hệ. Nhiều tác giả đã xác định những nguyên lý cơ bản của mối quan hệ giữa con người, xã hội với tự nhiên như sau:

Thứ nhất, thế giới thống nhất ở tính vật chất

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 01226393545.
Email: ngoctramp1946@gmail.com.

Thế giới vật chất (TGVC) vô cùng phức tạp và đa dạng, tuy nhiên, suy đến cùng có ba yếu tố cơ bản thống nhất với nhau là giới tự nhiên, con người và xã hội loài người. Sở dĩ chúng thống nhất được với nhau trong một hệ thống mặc dù chúng rất khác nhau về cấu trúc và chức năng là vì cả ba yếu tố đó đều là những dạng thức khác nhau của vật chất. Sự hình thành hệ thống “tự nhiên - con người - xã hội” gắn liền với quá trình tiến hóa của TGVC, cụ thể là sự tiến hóa của sinh quyển và sự phát triển của xã hội loài người.

Trong quá trình tiến hóa của TGVC đã tuân tự xuất hiện 3 yếu tố: sinh quyển (bao gồm toàn bộ các cơ thể sống, các chất vô cơ và hữu cơ của môi trường); con người (con người xuất hiện vào lúc sinh quyển đã có những thuộc tính của một hệ thống tổng hợp sinh học ở mức cao nhất, có khả năng đạt năng suất sinh học lớn nhất và độ phát triển ổn định tối đa; “giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người”, “con người sống dựa vào tự nhiên”, “sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người liên hệ khăng khít với tự nhiên”, “con người là một bộ phận của tự nhiên”, “con người là một thực thể sinh học, nên mọi hoạt động sống của con người đều phải tuân theo những quy luật sinh học”, “con người là một thực thể xã hội, với bộ óc rất phát triển và đôi tay tự do); xã hội (một bộ phận đặc biệt, được tách ra một cách hợp quy luật của tự nhiên, là hình thức tổ chức vật chất cao nhất trong quá trình tiến hóa liên tục, lâu dài và vô cùng phức tạp của TGVC).

Toàn bộ các cấu trúc vật chất trong sinh quyển (từ đơn giản nhất đến phức tạp nhất, từ đơn bào đến đa bào, đến con người và xã hội loài người) đã tác động với nhau và tác động qua lại với môi trường vô cơ và hữu

cơ xung quanh để cùng nhau tiến hành việc lưu thông, cải biến, tích lũy vật chất, năng lượng, thông tin, nhằm duy trì sự sống của bản thân, sự tồn tại và phát triển không ngừng của cả hệ thống. Các quá trình đó đều được thực hiện trong chu trình sinh học, hay chính xác hơn là chu trình sinh - địa - hóa học.

Cơ chế hoạt động của chu trình sinh học hay chu trình trao đổi vật chất, năng lượng và thông tin của sinh quyển chính là cơ chế bảo đảm sự thống nhất về mặt chức năng của hệ thống “tự nhiên - con người - xã hội” trong sự phù hợp với cấu trúc của nó. Hoạt động của chu trình sinh học tuân thủ theo nguyên tắc tự tổ chức, tự điều chỉnh, tự bảo vệ, tự làm sạch, tự cân bằng theo một trật tự liên hoàn chặt chẽ.

Sự thống nhất giữa con người (xã hội) với tự nhiên được biểu hiện chính trong sự thống nhất giữa bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của con người. Con người không chỉ là hiện thân mà hơn thế nữa, còn là hạt nhân, là kẻ trực tiếp thực hiện sự thống nhất đó, thông qua quá trình lao động sản xuất xã hội. Con người với tư cách là một thực thể sinh học - xã hội, để tồn tại và phát triển phải tiến hành quá trình trao đổi chất với tự nhiên như bất kỳ một sinh thể nào khác và phải tiến hành lao động sản xuất. Nền sản xuất xã hội là phương thức trao đổi chất đặc thù giữa xã hội với tự nhiên, thông qua chu trình sinh học trong sinh quyển.

Nhờ có phương thức sản xuất xã hội, con người và xã hội càng gắn bó chặt chẽ hơn với tự nhiên, nhưng, mặt khác, lại càng cách xa tự nhiên hơn. Bởi vì, “mắt khâu xã hội” (phương thức sản xuất) trong chu trình trao đổi chất của sinh quyển có những đặc trưng mà không có một hệ thống vật chất

sống nào có thể có được: *một là*, nền sản xuất xã hội có thể sử dụng hầu như toàn bộ các nguồn vật chất và năng lượng vốn có của tự nhiên; *hai là*, sự trao đổi chất của “mắt khâu xã hội” đạt hiệu quả kinh tế và sinh thái đều rất thấp, vừa khai thác và sử dụng lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên, vừa gây ô nhiễm nặng nề môi trường sống, do thải ra quá nhiều chất thải độc hại mà tự nhiên không thể xử lý được. Với những hậu quả đó “mắt khâu xã hội” đã làm cho chu trình trao đổi vật chất, năng lượng, thông tin của sinh quyển bị đứt đoạn, và đây cũng là cội nguồn của những vấn đề sinh thái gay gắt nhất ngày nay như tình trạng cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm nặng nề môi trường sống, biến đổi khí hậu toàn cầu (BĐKHTC)...

Thứ hai, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội

Phương thức sản xuất xã hội là yếu tố cơ bản nhất của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Về mặt cấu trúc, phương thức sản xuất bao gồm: lực lượng sản xuất (mối quan hệ giữa con người và tự nhiên) và quan hệ sản xuất (mối quan hệ giữa con người và con người trong quá trình sản xuất). Các mối quan hệ này luôn vận động và phụ thuộc lẫn nhau tuân theo quy luật “về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất”. Trong tiến trình lịch sử, phương thức sản xuất xã hội, trước tiên là lực lượng sản xuất, không ngừng phát triển, sự phát triển đó kéo theo sự phát triển của quan hệ sản xuất, đồng thời dẫn đến sự hình thành các hình thái kinh tế - xã hội mới. C.Mác đã coi sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Do đó, trình độ phát triển của xã hội

được chỉ báo bằng các nấc thang kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao dần, với vai trò quyết định của lực lượng sản xuất và phù hợp với nó là quan hệ sản xuất.

Lực lượng sản xuất là tiêu chuẩn đầu tiên để phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau, các trình độ văn minh khác nhau. Bằng các cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất (đổi mới và hoàn thiện tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động) và liền sau đó là các cuộc cách mạng xã hội (thực chất là giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất), các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người đã không ngừng biến đổi, đưa đến sự thay đổi về chất của cả xã hội loài người lẫn sinh quyển. Trong suốt tiến trình lịch sử, đã và đang diễn ra chủ yếu ba nấc thang về sự thay đổi đó. *Thứ nhất là* cuộc cách mạng lực lượng sản xuất lần thứ nhất. Với việc phát minh ra lửa và biết sử dụng lửa, con người đã tự mình tách ra khỏi thế giới động vật. Tuy nhiên, với lực lượng sản xuất còn quá thấp, con người sống vẫn còn hoàn toàn phụ thuộc vào những lực lượng tự nhiên. Xã hội loài người lúc bấy giờ và môi trường sống của sinh vật về cơ bản chưa có gì khác biệt về chất, chúng tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Đó là một sinh quyển còn nguyên sơ, một xã hội chưa có giai cấp đối kháng đã tạo ra một môi trường sống duy nhất của người nguyên thủy. *Thứ hai là* các cuộc cách mạng lực lượng sản xuất lần thứ hai, thứ ba, thứ tư với việc chế tạo ra các công cụ sản xuất bằng kim loại, từ cơ khí thủ công, cơ khí máy móc, đến cơ khí máy móc tự động hóa. Nhờ đó xã hội loài người đã chuyển từ dã man sang văn minh với các nền văn minh kế tiếp nhau: văn minh nông

nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp. Tương ứng với sự thay đổi của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất đã có những thay đổi phù hợp, đưa đến sự hình thành các xã hội có giai cấp đối kháng, từ thấp đến cao dần: xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến, xã hội tư bản chủ nghĩa. Đây là giai đoạn sinh quyền bị con người khai thác mạnh mẽ nhất, nhiều nhất, với mong muốn biến nó thành “kỹ thuật quyền”. Kết quả của quá trình biến đổi đó là sự hình thành một xã hội có giai cấp đối kháng ngày càng sâu sắc, phù hợp với một sinh quyền bị tàn phá bởi kỹ thuật và công nghệ. *Thứ ba* là cuộc cách mạng lực lượng sản xuất lần thứ năm với sự chủ đạo của công nghệ thông tin. Điều đó dẫn đến sự thay đổi sâu sắc cả lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất. Trong tự nhiên đó là sự hình thành trí tuệ quyền với sự điều khiển một cách có ý thức của con người trong quan hệ với tự nhiên, thay cho một sinh quyền đã bị tàn phá. Trong xã hội đó là sự ra đời của xã hội sau tư bản chủ nghĩa, trở về với xã hội không có giai cấp đối kháng ở trình độ phát triển cao, xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ở nấc thang phát triển cao này, các mâu thuẫn giữa con người với tự nhiên và con người với con người đều được giải quyết, do đó, con người sống hài hòa thật sự với tự nhiên, xã hội và tự nhiên đồng tiến hóa.

Trí tuệ quyền và chủ nghĩa cộng sản là hai mặt của quá trình lịch sử - tự nhiên. Trí tuệ quyền là trạng thái có thể duy nhất về cơ sở vật chất tự nhiên (vô cơ và hữu cơ) của sự tồn tại của chủ nghĩa cộng sản, là mức độ cao nhất của sự chinh phục và điều khiển một cách có ý thức của con người đối với các lực lượng tự nhiên trong môi trường tồn tại của loài người; còn chủ nghĩa cộng

sản, đến lượt mình, lại là hình thức xã hội duy nhất cho sự tồn tại của trí tuệ quyền. C.Mác đã tiên đoán chủ nghĩa cộng sản là “sự giải quyết hiện thực mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên, giữa con người và con người”. Theo ông, “tất cả sự vận động của lịch sử” hay toàn bộ quá trình lịch sử - tự nhiên của sự hình thành xã hội loài người là “hành động hiện thực sản sinh ra chủ nghĩa cộng sản”.

Thứ ba, con người là chủ thể tích cực trong việc điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa xã hội với tự nhiên

Con người sống là không ngừng hoạt động, trong đó hoạt động sản xuất ra của cải vật chất là quan trọng và quyết định nhất. Tuy nhiên, hoạt động của con người từ trước đến nay hầu như chưa tính đến một cách đầy đủ những quy luật tồn tại và phát triển của yếu tố tự nhiên, trước tiên là những quy luật sinh thái học, những quy luật bảo đảm cơ chế hoạt động bình thường của chu trình trao đổi vật chất, năng lượng, thông tin của tự nhiên hay chu trình sinh học trong sinh quyển.

Con người cũng đã từng đạt được những kỳ tích vĩ đại trong việc chinh phục thiên nhiên, song đã bị trả giá quá đắt. Ph.Ăngghen đã từng nhắc nhở: “Không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi là một lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta”; “Chúng ta hoàn toàn không thể thống trị giới tự nhiên như một kẻ xâm lược đi thống trị một dân tộc khác,... chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ, chúng ta khác với tất cả các sinh vật khác là chúng ta nhận thức được các quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách

chính xác”. Để có thể điều khiển được mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, trước hết, con người với tư cách là nhân tố có ý thức duy nhất của hệ thống cần phải nhận thức cho được những quy luật tồn tại và phát triển của giới tự nhiên, phải biết vận dụng một cách đúng đắn, chính xác những quy luật đó vào quá trình hoạt động thực tiễn của xã hội, mà trước tiên và quan trọng nhất là vào lĩnh vực sản xuất xã hội.

Bằng con đường phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ, con người đã và đang không ngừng khai thác, biến đổi tự nhiên, từ đó tạo nên mâu thuẫn sâu sắc giữa xã hội và tự nhiên. Ngày nay, cũng chỉ bằng con đường phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ, con người mới có thể quay về với cội nguồn của mình, sống hài hòa thực sự với tự nhiên, trên cơ sở hiểu biết sâu sắc và biết vận dụng đúng đắn những quy luật của tự nhiên. Trí tuệ quyền là một giai đoạn tiến hóa đỉnh cao của sinh quyển - giai đoạn tiến hóa được điều khiển một cách có ý thức của con người.

Thứ tư, xã hội cần phải phát triển bền vững

Có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ “phát triển bền vững” (PTBV). Tuy nhiên, dù cách hiểu nào đi chăng nữa thì cũng đều phải quán triệt mục tiêu chung của PTBV đã được nêu lên lần đầu tiên tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc (LHQ) về Môi trường và Phát triển, tại Rio de Janeiro (Barazin) tháng 6 năm 1992 và các Hội nghị tiếp theo. Theo đó, PTBV là sự phát triển kinh tế - xã hội lành mạnh, dựa vào việc khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện của môi trường sống hiện có của các thế hệ người hiện tại, nhưng không làm ảnh hưởng bất lợi cho các thế hệ người tiếp theo trong việc thỏa mãn các nhu cầu về tài

nguyên và môi trường. Sự phát triển bền vững của một xã hội được đánh giá bằng những chỉ tiêu hay những thước đo nhất định trên cả ba mặt: kinh tế, xã hội - nhân văn và sinh thái - môi trường.

3. Các triết lý tổng quát về mối quan hệ con người - xã hội - tự nhiên

Thứ nhất, con người, xã hội và tự nhiên đều là vật chất đang vận động, chúng tồn tại dưới những dạng thức khác nhau về cấu trúc và chức năng. Cả ba yếu tố đó thống nhất với nhau trong một hệ thống bao trùm toàn bộ hành tinh Trái Đất, đó là sinh quyển. Sự thống nhất của hệ thống con người - xã hội - tự nhiên được bảo đảm bởi cơ chế hoạt động của chu trình sinh học hay chu trình trao đổi vật chất, năng lượng, thông tin của sinh quyển; tuân thủ theo các nguyên tắc tự tổ chức, tự điều khiển, tự cân bằng, tự bảo vệ, tự làm sạch theo một trật tự liên hoàn chặt chẽ.

Thứ hai, con người là sản phẩm và là sản phẩm cao nhất của quá trình tiến hóa của thế giới vật chất, là hiện thân và cũng là hạt nhân của sự thống nhất biện chứng giữa con người và xã hội với tự nhiên.

Thứ ba, xã hội là một bộ phận đặc thù của tự nhiên cả về mặt cấu trúc lẫn chức năng. Nền sản xuất xã hội là phương thức trao đổi chất đặc thù giữa xã hội với tự nhiên.

Thứ tư, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và mối quan hệ giữa con người với con người luôn vận động, phụ thuộc và quy định lẫn nhau trong suốt quá trình lịch sử - tự nhiên.

Thứ năm, con người là chủ thể tích cực trong mối quan hệ giữa con người, xã hội với tự nhiên. Con người điều khiển mối quan hệ giữa xã hội với tự nhiên bằng cách nhận thức được các quy luật tồn tại và phát triển của giới tự nhiên và biết vận dụng một

cách đúng đắn và chính xác các quy luật đó vào hoạt động thực tiễn, trước tiên là hoạt động sản xuất ra của cải vật chất.

Thứ sáu, cùng với sự phát triển của xã hội, con người ngày càng khẳng định vai trò chủ thể tích cực của mình trong quan hệ với tự nhiên. Bằng việc nâng cao nhận thức của mình về tự nhiên và hoàn thiện nền khoa học - công nghệ hiện đại, con người mới có thể quay về sống hài hòa thật sự với tự nhiên. Quá trình đó được bắt đầu từ nền sản xuất xã hội (phương thức trao đổi chất đặc thù giữa xã hội và tự nhiên), mục đích là đưa “mất khâu xã hội” thực sự trở thành một mắt khâu liên hoàn của chu trình sinh học, tạo nên sự đồng tiến hóa giữa xã hội và tự nhiên.

Thứ bảy, để thực hiện được mục tiêu trên, sự phát triển tiếp tục của xã hội ngày nay chỉ có thể đi theo con đường PTBV, có như vậy mới bảo đảm cho mọi thế hệ con người đều được thỏa mãn các nhu cầu của mình về các nguồn tài nguyên thiên nhiên (TNTN) và các điều kiện môi trường để tồn tại và phát triển tiếp tục.

4. Các khái niệm cơ bản liên quan đến môi trường sinh thái ở Việt Nam

Thứ nhất, sinh thái theo gốc tiếng La tinh là Oikos có nghĩa là nhà ở, nơi cư trú, nơi sinh sống của các cơ thể sống (từ đơn bào, đa bào, quần thể, quần xã sinh vật, hệ sinh thái đến con người và xã hội loài người), ngày nay nó được gọi là môi trường sống, môi trường xung quanh hay MTST.

Thứ hai, sinh thái học là học thuyết khoa học về nơi cư trú, chỗ ở, về những điều kiện sống hay môi trường sống của các sinh thể. Mỗi sinh vật sống đều có một nơi cư trú thích hợp. Điều này không phải ngẫu nhiên vì phụ thuộc vào sự phản ứng thích nghi của cơ thể sinh vật với những điều kiện

sống xung quanh như nước, không khí, ánh sáng, khí hậu, thổ nhưỡng... Giữa cơ thể sống và những điều kiện của môi trường sống luôn có mối quan hệ chặt chẽ và tác động lẫn nhau. Ngày nay, tuy đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau về sinh thái học, song nguồn gốc thuật ngữ của nó vẫn còn nguyên giá trị. Theo cách hiểu chung nhất và phổ biến nhất thì sinh thái học là khoa học về các mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau giữa các cơ thể sống với môi trường xung quanh. Nói một cách khái quát và chính xác hơn đó là mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa các hệ thống vật chất sống ở cấp độ cơ thể và trên cơ thể (loài, quần thể, quần xã, hệ sinh thái) với những điều kiện của môi trường sống xung quanh. Con người và xã hội loài người là những hệ thống vật chất sống, tồn tại trong tự nhiên (sinh quyển) với tư cách là những cơ thể hoàn chỉnh. Từ đó có thể đưa ra định nghĩa nữa về sinh thái học; đó là khoa học nghiên cứu mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa con người (xã hội loài người) với sinh quyển. Điều này có nghĩa là, sinh thái học tiến từ nghiên cứu mối quan hệ “cơ thể - môi trường” sang nghiên cứu mối quan hệ “con người - tự nhiên”, “xã hội - sinh quyển”; mở rộng lĩnh vực nghiên cứu ra ngoài phạm vi môn sinh vật học thuần túy; tiếp cận với những vấn đề triết học.

Thứ ba, sinh thái là tập hợp toàn bộ những vấn đề có liên quan đến sự tác động qua lại giữa sinh thể với những điều kiện sống của môi trường xung quanh. Sinh thái nhân văn (hay sinh thái xã hội) bao gồm trong nó tất cả các vấn đề có liên quan đến mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa xã hội (với tư cách một hệ thống vật chất sống) và con người (với tư cách là một

thực thể sinh học - xã hội - văn hóa) với môi trường xung quanh, trước hết là với sinh quyển.

Thứ tư, MTST là tổ hợp của tất cả các cơ thể sống trong sự tương tác qua lại với những điều kiện tự nhiên vốn có như ánh sáng, nước, không khí, đất đá, khí hậu. Tổ hợp đó nếu có cả con người và xã hội loài người thì được gọi là MTSTNV hay môi trường sinh thái xã hội. MTST là đối tượng nghiên cứu của sinh thái học, còn MTSTNV là đối tượng nghiên cứu của một bộ môn khoa học mới, được hình thành trên điểm giáp ranh của nhiều khoa học, đó là sinh thái học nhân văn hay sinh thái học xã hội.

Thứ năm, STHNV nằm trên điểm giáp ranh giữa các khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội. Bản chất của nó nằm ngay trong lĩnh vực tác động qua lại giữa xã hội và tự nhiên, giữa con người và sinh quyển. STHNV hay STHXH là khoa học nghiên cứu mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa “con người - tự nhiên”, “xã hội - sinh quyển”, cụ thể là nghiên cứu những quy luật hoạt động của sinh quyển và sự vận dụng một cách có ý thức của con người những quy luật sinh thái học đó vào hoạt động thực tiễn, nhằm đảm bảo những điều kiện tự nhiên cần thiết cho sự tồn tại và phát triển bền vững của xã hội. Nói cách khác, STHNV là khoa học nghiên cứu những phương pháp, cách tổ chức hoạt động của con người trong lĩnh vực quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau giữa con người và tự nhiên, dựa trên cơ sở những yêu cầu khách quan của các quy luật sinh thái học, nhằm bảo đảm sự tồn tại và phát triển hài hòa và bền vững giữa xã hội và tự nhiên.

Thứ sáu, văn hóa sinh thái nhân văn (VHSTNV) bao gồm hai thành tố: văn hóa và sinh thái nhân văn. Có hàng trăm định

nghĩa khác nhau về văn hóa, nhưng cái cốt lõi chung của văn hóa là tri thức, chuẩn mực và giá trị. VHSTNV là tổng hợp những tri thức, những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình tương tác với thiên nhiên, được lưu giữ và truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác, được đúc kết thành những hệ thống chuẩn mực xã hội bền vững (thuận theo, nương nhờ hay tận dụng thiên nhiên và ứng phó với thiên tai), nhằm tạo ra cho mình một môi trường sống phù hợp hơn, tốt hơn và đẹp hơn (chân, thiện, mỹ). Đối tượng nghiên cứu của VHSTNV cũng chính là đối tượng nghiên cứu của STHNV là MTSTNV, tức là môi trường của mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa con người và xã hội với tự nhiên, trong đó, con người với tư cách là một thực thể sinh học - xã hội - văn hóa.

5. Một số quan điểm về STHNV, STNV và MTSTNV

Thứ nhất, những tiền đề hình thành STHNV là nhu cầu cấp thiết của thực tiễn bảo vệ môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững, khi mà các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã bị khai thác cạn kiệt và môi trường sống đã bị ô nhiễm nặng nề; nhu cầu xem xét và định đoạt số phận của con người và xã hội trong những điều kiện phát triển mới; nhu cầu nắm bắt và vận dụng một cách hợp lý các quy luật của tự nhiên vào hoạt động thực tiễn, trước hết là hoạt động sản xuất ra của cải vật chất nhằm mang lại hiệu quả kinh tế và sinh thái cao; tri thức khoa học của thời đại đã phát triển đến trình độ cao. Trong STHNV, con người trở thành đối tượng nghiên cứu trực tiếp. Sự hình thành STHNV là một trong những hướng phát triển của tri thức nhân loại đã đạt đến mức, như tiên đoán của C.Mác, khi con người đã trở thành “đối tượng trực tiếp của

khoa học tự nhiên”; còn “đối tượng của khoa học tự nhiên - giới tự nhiên” trở thành “đối tượng trực tiếp của khoa học về con người”; tất cả sẽ trở thành một khoa học. Chính sự xích lại gần nhau giữa các khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn và khoa học kỹ thuật - công nghệ trong sinh thái học hiện đại đã dẫn đến sự hình thành STHNV hay STHXH.

Thứ hai, nguồn gốc của STNV là sự lãng quên mục tiêu sinh thái trong sản xuất xã hội. Thông qua quá trình lao động sản xuất, con người tạo ra nhiều tạo phẩm văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần có giá trị, làm cho môi trường tự nhiên - người hóa đó ngày càng phát triển phong phú, đa dạng về mặt hình thức lẫn nội dung, ngày càng khác xa so với môi trường tự nhiên thuần túy. Với quan điểm lấy con người làm trung tâm của vũ trụ, của mọi sự phát triển, được hình thành trong triết học Tây Âu vào thế kỷ XVII - XVIII, con người đã tập trung mọi hoạt động của xã hội vào việc thỏa mãn các nhu cầu sống của riêng mình. Điều này được biểu hiện rõ ràng nhất ở chỗ, trong quá trình sản xuất sự ưu tiên dành cho các mục tiêu kinh tế, còn mục tiêu sinh thái hầu như đã bị con người hoàn toàn lãng quên và đó chính là khởi nguồn cho những hậu quả tiêu cực mà con người đã mang lại cho môi trường tự nhiên.

Thứ ba, bản chất của STNV là sự phản ánh những mâu thuẫn xuất hiện trong quá trình tác động qua lại giữa con người và xã hội với sinh quyển (tự nhiên). Xét về mặt cấu trúc lẫn chức năng và về thực chất, con người và xã hội không có gì mâu thuẫn với tự nhiên. Mâu thuẫn chỉ xuất hiện trong quá trình con người tiến hành cải tạo, biến đổi giới tự nhiên bằng lao động sản xuất. Quá trình này bị chi phối bởi cả hai mối quan

hệ: giữa con người với tự nhiên và mối quan hệ giữa con người với con người. Do vậy, bản chất của STNV không thể chỉ quy về những mâu thuẫn của quá trình trao đổi chất giữa con người (xã hội) và tự nhiên, được thể hiện cụ thể ở trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mà còn phải tính đến cả những mâu thuẫn giữa con người với con người và những mâu thuẫn nảy sinh bên trong sự phát triển xã hội. Có ba loại mâu thuẫn cơ bản phản ánh bản chất của STNV. *Một là* mâu thuẫn giữa sinh thái với xã hội. Xã hội càng phát triển, càng hiện đại, thì tự nhiên càng bị phá hoại, càng trở nên nghèo hơn. Vì lợi ích trước mắt của mình và sự tồn tại phát triển của xã hội, con người đã sử dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ như một phương tiện hữu hiệu để khai thác, bóc lột tự nhiên, bất chấp những quy luật tồn tại và phát triển của nó. Hậu quả nguy hiểm nhất của quá trình này là phá hoại cơ chế hoạt động bình thường của chu trình sinh học trong sinh quyển (làm mất các khả năng tự tổ chức, tự điều chỉnh, tự làm sạch, tự bảo vệ, tự cân bằng của nó) - một cơ chế bảo đảm sự thống nhất, tính toàn vẹn của hệ thống con người - xã hội - tự nhiên. Việc giải quyết mâu thuẫn này sẽ đụng chạm đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, luật pháp đến kinh tế, đạo đức, lối sống. *Hai là* mâu thuẫn giữa sự tăng cường mở rộng sản xuất (tập trung các phương tiện kỹ thuật, công nghệ cho sản xuất) với những kết quả cụ thể mà nó đạt được. Nếu không đạt được kết quả mong muốn, thì nhìn chung, không nâng cao được hiệu quả kinh tế, ngược lại, nếu hiệu quả kinh tế được nâng lên thì thường hay kèm theo những hậu quả tiêu cực, trước tiên là về mặt sinh thái, ảnh hưởng xấu đến đời sống của con người,

mặc dù xã hội đã bỏ ra những khoản đầu tư rất lớn. Việc tìm kiếm con đường để giải quyết mâu thuẫn này cũng chính là quá trình tìm kiếm các cách thức kết hợp mục tiêu kinh tế và mục tiêu sinh thái trong nền sản xuất xã hội. *Ba là* mâu thuẫn giữa kinh tế với sinh thái, mâu thuẫn này xuất hiện trong quá trình con người tìm cách sửa chữa những sai lầm trong hoạt động kinh tế của mình trước đây, đã từng gây nên những hậu quả tiêu cực cho tự nhiên. Việc sử dụng những biện pháp sinh thái, trước mắt thường làm giảm hiệu quả kinh tế của sản xuất, nhưng trên bình diện rộng và lâu dài là vô cùng cần thiết. Bởi vì, trước hết, con người là một sinh thể, nên không thể sống thiếu được các điều kiện tự nhiên tối cần thiết như nước sạch, không khí trong lành, ánh sáng Mặt Trời, sau đó mới tính đến nhu cầu của một thực thể xã hội - văn hóa như các tiện nghi, các điều kiện sinh hoạt văn hóa tinh thần... Việc điều hòa mâu thuẫn này là vô cùng cần thiết để con người có thể tiếp tục tồn tại và xã hội mới có thể phát triển bền vững. Trong quá trình hoạt động sống, con người luôn đối mặt với những mâu thuẫn đó và thường xuyên giải quyết chúng để tồn tại và phát triển xã hội.

6. Một số vấn đề cơ bản của MTSTNV ở Việt Nam

Một là, STNV trong lĩnh vực sản xuất vật chất. Đây là những vấn đề nảy sinh trực tiếp từ trong quá trình sản xuất xã hội, nhất là tình trạng khan hiếm và cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên (TNTN) và nạn ô nhiễm nặng nề môi trường sống đã lên đến mức báo động, đặc biệt là cạn kiệt rừng, đất đai, nước ngọt và sạch, tài nguyên khoáng sản, đa dạng sinh học; nạn ô nhiễm (ô nhiễm môi trường nước là nguy hiểm và nghiêm trọng nhất, ô nhiễm không khí và chất thải

rắn từ quá trình chế biến tài nguyên khoáng sản, từ sản xuất và tiêu dùng).

Hai là, STNV trong mối quan hệ giữa con người với con người (ô nhiễm môi trường xã hội, các tệ nạn xã hội; vệ sinh an toàn lương thực, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm; đói nghèo và xóa đói giảm nghèo). Đây là một trong những vấn đề STNV cấp bách ở Việt Nam. Đói nghèo cùng với sự kém hiểu biết và sự thiếu công bằng và bình đẳng trong việc hưởng thụ các nguồn TNTN của dân cư ở các vùng giàu TNTN (thường là ở vùng rừng núi, vùng sâu, vùng xa,...) là nguyên nhân trực tiếp của việc khai thác và sử dụng bừa bãi, lãng phí các nguồn TNTN (rừng, các loại khoáng sản), để mưu sinh vì cuộc sống của họ gắn bó chặt chẽ và phụ thuộc trực tiếp vào thiên nhiên. Do đó, nghèo đói và việc xóa đói giảm nghèo không chỉ là vấn đề xã hội, mà thực chất cũng là một vấn đề STNV cấp thiết, cần được quan tâm giải quyết.

Ba là, STNV trong lĩnh vực hoạt động văn hóa tinh thần hay vấn đề VHSTNV. Đó là ý thức sinh thái, đạo đức sinh thái, lối sống văn hóa sinh thái.

Một trong những vấn đề VHSTNV gay gắt và bức xúc nhất ở nước ta hiện nay là sự nhận thức về môi trường và bảo vệ môi trường (MTST và MTSTNV) của người dân, thậm chí cả những người quản lý xã hội ở các cấp đều còn thấp. Nói chính xác hơn là ý thức sinh thái và lối tư duy sinh thái của người Việt Nam cho đến nay chủ yếu vẫn còn ở trình độ thấp, trình độ của người sản xuất nhỏ, canh tác cây lúa nước (tiểu nông) đang phổ biến trong toàn xã hội. Đây là thực trạng và đồng thời cũng là nguyên nhân quan trọng đưa đến những hậu quả tiêu cực cho MTST ở Việt Nam hiện nay. Ý thức sinh thái (YTST) được hiểu là

những quan điểm, quan niệm của con về MTST (về cấu trúc, chức năng, các thành phần cấu thành, các quy luật tồn tại và phát triển của nó...); về các quy luật của mối quan hệ, và sự tương tác qua lại giữa con người và xã hội với tự nhiên; về tình cảm, thái độ và trách nhiệm của con người trong việc nghiên cứu, giải quyết các vấn đề sinh thái và môi trường, nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững của xã hội. Ba mục tiêu này của YTST gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại và quy định lẫn nhau. YTST cũng có đầy đủ các khía cạnh (các hình thái) như ý thức xã hội, nhưng chỉ ứng dụng cụ thể trong lĩnh vực mối quan hệ giữa con người và xã hội với tự nhiên, đó là các khía cạnh chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, văn hóa.

Con người là một thực thể sinh học - xã hội - văn hóa, tồn tại và hoạt động trong MTVHSTNV. Sống trong môi trường này con người đồng thời phải chịu sự ràng buộc, quy định của ba mối quan hệ chính: giữa con người với tự nhiên; giữa con người với xã hội giữa người với người. Đạo đức sinh thái (ĐĐST) giữ vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, điều chỉnh các mối quan hệ đó của con người. Đạo đức sinh thái bao gồm một hệ thống các quan điểm, tư tưởng, tình cảm, các nguyên tắc, những chuẩn mực... quy định điều chỉnh hành vi của con người trong quá trình tác động, biến đổi, cải tạo tự nhiên, nhằm phục vụ cho đời sống của con người, cho sự tồn tại và phát triển không ngừng của xã hội, trong những điều kiện của môi trường VHSTNV nhất định. ĐĐST cũng như đạo đức xã hội nói chung gồm có ba thành tố chủ yếu: ý thức ĐĐST (lý tưởng, quan niệm, tư tưởng, tình cảm... của con người); quan hệ ĐĐST (quan hệ lợi ích trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên); thực tiễn ĐĐST (được thể hiện ở hành vi ĐĐST).

Lối sống VHST được thể hiện ở tình yêu thiên nhiên, cách ứng xử có văn hóa của con người với thiên nhiên, linh hoạt và phù hợp (thuận theo, thích nghi, tận dụng thiên nhiên và ứng phó kịp thời với thiên tai...), nhất là trong điều kiện BĐKH hiện nay.

Bốn là, hệ giá trị VHSTNV truyền thống Việt Nam. Đó là: triết lý sống hòa hợp và yêu thiên nhiên, một triết lý đã luôn đồng hành cùng với nền văn minh lúa nước; phương pháp tư duy tổng hợp và biện chứng dựa trên cơ sở những tri thức kinh nghiệm; tinh thần yêu nước và ý thức cộng đồng dân tộc cao; tinh thần nhân văn cao cả, lối sống trọng tình cảm, khoan dung; yêu lao động, biết quý trọng sức lao động và những thành quả của lao động, lối sống cần cù, giản dị, thanh đạm, tiết kiệm.

Năm là, chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam. Là một thành viên của mái nhà chung Trái Đất, để tồn tại và phát triển, Việt Nam không thể không tham gia vào Chiến lược phát triển bền vững do Liên Hợp Quốc đề ra, với ba mục tiêu: về kinh tế, phải tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng an toàn; về xã hội - nhân văn, phải không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người; thực hiện dân chủ, công bằng và bình đẳng xã hội; bảo đảm các chỉ số phát triển con người (HDI) với các số đo về hệ số bình đẳng thu nhập, các tiêu chí về giáo dục, dịch vụ y tế, tuổi thọ, về hoạt động văn hóa; về sinh thái - môi trường, phải bảo vệ và không ngừng cải thiện chất lượng môi trường sống; khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm các chức năng của môi trường sinh thái... Ba mục tiêu này đã được đưa ra trong Chương trình nghị sự thế kỷ XXI tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về Môi trường và Phát triển ở Rio de Janeiro (Brazil, 1992) và đã được

Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững năm 2002 tại Nam Phi coi là ba trụ cột của phát triển bền vững. Căn cứ vào tình hình cụ thể của nước ta. Việt Nam cũng đã xây dựng Chương trình nghị sự thế kỷ XXI và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2004.

Sáu là, biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo Công ước khung của Liên Hợp Quốc về BĐKH thì BĐKH là những ảnh hưởng có hại của sự thay đổi khí hậu, là những biến đổi trong môi trường vật lý hoặc sinh học gây nên những hậu quả tiêu cực đáng kể đến thành phần, chất lượng, khả năng phục hồi hoặc sinh sản của các hệ sinh thái tự nhiên và đến hoạt động của các hệ thống kinh tế - xã hội, đến sức khỏe và hạnh phúc của con người. Báo cáo lần thứ tư của Ủy ban Liên chính phủ về BĐKH năm 2007 đã đánh giá cho thấy hơn 90% tác nhân gây ra BĐKH ngày nay là do hoạt động của con người; 3/4 lượng CO₂ phát thải vào khí quyển là do con người đã sử dụng quá nhiều nhiên liệu hóa thạch, phần còn lại là do chặt phá rừng bừa bãi, do cháy rừng... Trên thực tế, con người đã nhìn thấy tính chất nguy hiểm, cấp bách của vấn đề BĐKH, điều này đã được thể hiện rõ qua nhiều Văn kiện của Liên Hợp Quốc về Môi trường và Phát triển, đặc biệt là Nghị định thư Kyoto và các Bản Tuyên bố của các Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về BĐKH (COP. 12,13,14...19, và 20 ở lại Lima (Pê ru) năm 2014). Việt Nam đã tích cực tham gia các Hội nghị này. Là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH toàn cầu, Việt Nam luôn ưu tiên đẩy mạnh các hoạt động đối phó và thích ứng với BĐKH, như đặt ra mục giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ 8 - 10% so với 2010, giảm lượng tiêu hao năng lượng tính trên GDP

từ 1 - 1,5%/năm... nâng cao nhận thức cho con người về môi trường và bảo vệ môi trường, về BĐKH, tiến tới xây dựng nền kinh tế xanh.

7. Kết luận

Trên đây là những nội dung và kết quả nghiên cứu chính ở Việt Nam trong hơn 45 năm qua về môi trường từ góc độ triết học - xã hội. Những kết quả nghiên cứu này cùng với những kết quả nghiên cứu từ các góc độ khác đã góp phần nâng cao nhận thức của con người Việt Nam về môi trường sinh thái.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Lê Bảo (Chủ biên), Nguyễn Xuân Kính, Vũ Minh Tâm, Phạm Thị Ngọc Trâm (2001), *Văn hóa sinh thái nhân văn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Việt Chúc (2002), *Văn hóa ứng xử của người Hà Nội với môi trường thiên nhiên*, Nxb Văn hóa - Thông Tin, Hà Nội.
- [3] V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, t.15, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [4] C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t.20, 23, 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hà Huy Thành (2001), *Một số vấn đề Xã hội và Nhân Văn trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Phạm Thị Ngọc Trâm (1997), *Môi trường sinh thái: vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Phạm Thị Ngọc Trâm (2003), *Khoa học Công nghệ với sự nhận thức, biến đổi Thế giới và Con người, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Phạm Thị Ngọc Trâm (Chủ biên) (2006), *Quản lý Nhà nước đối với Tài nguyên và Môi trường vì sự phát triển bền vững dưới góc nhìn xã hội nhân văn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

